TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HS-PT
Ngày: 14-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh
Các thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo
Ông Nguyễn Văn Thư

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Tạ Duy Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/8/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 51/2019/HSPT ngày 05 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Triệu Thị T.

Do có kháng cáo của bị cáo Triệu Thị T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 24/2019/HSST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo: **Triệu Thị T**; Sinh năm: 1977; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 5, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước; Nơi tạm trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Long An, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12, con ông Triệu Thiêm V, sinh năm 1913 (đã chết) và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1922 (đã chết). Bị cáo có 04 anh chị ruột, lớn nhất sinh năm 1960, Bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình. Bị cáo có chồng: Mai Xuân T, sinh năm 1976 (đã ly hôn); có 02 người con, sinh năm 2003 và 2018. Bị cáo đang tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong năm 2013, Triệu Thị T hứa hẹn với những người có nhu cầu xin việc cho người thân là Thúy có thể xin cho người khác vào làm việc tại các cơ quan Nhà nước, nhằm chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng tháng 7/2013, em gái của anh Triệu Văn N là chị Triệu Thị T, tốt nghiệp Trường Trung cấp y Thái Nguyên nhưng chưa kiếm được việc làm. Được Hoàng Thị M giới thiệu và cho số điện thoại, anh N liên lạc và làm quen với T , T kêu anh N đến thị xã P để thỏa thuận việc xin việc (bút lục 153, 154, 165, 166).

Đầu tháng 8/2013, anh N đến nhà T – tại khu 5, phường T, thị xã P, gặp và nhờ T xin cho em gái của mình đi làm thì T hứa sẽ xin cho em của N vào làm ở Bệnh viện "Nhân Ái", thuộc huyện B, tỉnh Bình Phước. T yêu cầu anh N đưa 60.000.000đ để làm chi phí xin việc, nhưng vì chưa có tiền nên anh N đưa trước cho T 30.000.000đ cùng hồ sơ và hứa sẽ đưa tiếp 30.000.000đ khi em gái của N được đi làm. T nhận tiền và viết giấy biên nhận.

Khoảng 02 tháng sau, N không thấy em gái của mình được vào làm tại Bệnh viện Nhân Ái nên đã nhiều lần gọi điện cho T thì T cho biết là đang nhờ người quen xin nhưng chưa được và kêu N chờ tiếp. Đến ngày 06/3/2014, T gọi điện thoại bảo Ng dẫn T (em N) đến Bệnh viện Qy tại tỉnh Đồng Nai để phỏng vấn xin việc. Nhưng khi T (em N) đang trên đường đi thì bị can T gọi điện thoại cho anh N biết là đã thuê người phỏng vấn thay với giá là 1.000.000đ. Ngày 07/3/2014, anh N đến thị xã P gặp và đưa cho bị can T 1.000.000đ rồi đi ra trụ ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh thị xã P, chuyển vào tài khoản của bị can T số tiền 30.000.000đ.

Sau đó, anh N không thấy em mình được đi làm nên gọi điện thoại thì bị can T nói Bệnh viện Qy ở Biên Hòa không nhận và hứa sẽ xin cho em N vào làm việc tại bệnh viện "Thánh Tâm", thuộc huyện Đ, tỉnh Bình Phước với chi phí là 30.000.000đ.

Khoảng đầu tháng 8/2014, theo yêu cầu của bị can T , anh N đưa em gái đến nhà bị can T để đi nhận việc tại bệnh viện "Thánh Tâm", nhưng khi xuống đây bị can T nói lãnh đạo bệnh viện đang đi họp nên chưa có Quyết định và kêu em của Nở lại nhà bị can T để chờ nhận việc.

Sáng ngày 11/8/2014, bị can T nhờ Nguyễn Thị Thanh T1 dùng xe ô tô chở T đến bệnh viện "Thánh Tâm". Đến nơi, T liền gọi điện thoại báo cho anh Nghị biết là "đang đi xem chỗ làm" nên anh N chở bạn là Sầm Văn T2 đến nhà bị can T, T nói sáng mai xuống bệnh viện lấy Quyết định cho T em của N đi làm.

Ngày 12/8/2014, tại nhà bị can T , anh N yêu cầu T viết giấy biên nhận cho mình với nội dung là "T đã nhận của N số tiền là 60.000.000đ để cho T (em của N) tạm thời đi làm ở Bệnh viện Thánh Tâm. Sau này, T sẽ xin cho em của N vào làm ở Bệnh viện của Nhà nước, nếu không xin được thì T sẽ trả lại cho N 30.000.000 đ".Sau khi viết biên nhận, anh N cùng T2 và T (em của Nghị) đến bệnh viện "Thánh Tâm" để lấy Quyết định. Nhưng khi đến cổng Bệnh viện, bị can T bảo mọi người đứng ở cổng chờ người đến dẫn vào gặp Ban lãnh đạo của Bệnh viện để nhận Quyết định còn bị can T đi về trước. Chờ đến 11 giờ cùng

ngày nhưng không thấy ai đến nên anh N liền gọi điện cho bị can T thì T bảo tiếp tục chờ.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, anh N và em gái đi vào gặp Giám đốc Bệnh viện thì được biết trong số hồ sơ nộp xin vào làm tại Bệnh viện không có ai tên là Triệu Thị T (Sn 1988) nên anh N cùng T2, T (em của Nghị) về nhà bị can T. Nghị yêu cầu T trả lại số tiền đã nhận của mình thì T hẹn khi nào có tiền sẽ trả nhưng sau đó T không trả nên anh N đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan Công an (bút lục 78, 79, 116, 117, 125, 126, 141, 142, 167, 168).

Vụ thứ 02:

Tháng 8/2013, con của ông Vi Văn R là Vi Văn Q tốt nghiệp Trường đại học Tây nguyên chuyên ngành toán nhưng không xin được việc làm. Tháng 11/2013, qua người quen giới thiệu nên anh R liên lạc và T hứa sẽ xin cho Q vào dạy tại Trường THCS Phú Nghĩa với chi phí là 60.000.000đ (bút lục 50, 171, 172).

Ngày 06/12/2013, ông R và Q đến nhà T – tại khu 5, phường T, thị xã P, gặp và nhờ T xin việc cho Q. T nói "Trường THCS Phú Nghĩa có 01 thầy giáo dạy toán xin chuyển công tác nên có thể xin cho Q vào dạy ở đây" và T yêu cầu ông R đưa cho mình 60.000.000đ để làm chi phí lo xin việc. Sau khi nghe T nói, ông R đưa trước cho T 30.000.000đ và hứa khi nào có tiền sẽ đưa tiếp 30.000.000đ, thì T đồng ý, T nhận tiền, hồ sơ xin việc của Q rồi viết biên nhận cho ông R.

Khoảng một tháng sau, ông R không thấy Trường THCS Phú Nghĩa gọi Q đi làm nên đã điện thoại hỏi thì T nói: "Ban giám hiệu của Trường đang đi họp" và kêu ông R tiếp tục chờ. Sau đó, T gặp và nhờ bà Nguyễn Thị Thanh T1 xin cho Q vào dạy tập sự tại Trường THCS Bình Sơn. Trúc nhận lời và liên lạc với bà Lê Thị Minh H (Hiệu trưởng), bà H đồng ý nhận Q vào dạy tập sự.

Khoảng 20 giờ ngày 14/02/2014, T gọi điện thoại bảo ông R đưa Q xuống nhận việc. Khoảng 08 giờ ngày 15/02/2014, ông R và Q đến nhà gặp thì T nói: "Chi phí xin vào dạy hết 90.000.000đ, nếu đưa 60.000.000đ thì Q đi dạy 01 năm không có lương". Nghe vậy, ông R liền đưa cho T 36.000.000đ và yêu cầu T viết giấy biên nhận. Sau đó, ông R ra về còn Q ở lại nhà T (bút lục 66, 67, 173, 174).

Khoảng 14 giờ ngày 17/02/2014, T1 điều khiển xe môtô chở Q đến Trường THCS Bình Sơn (thuộc xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước) để cho Q biết đường đi rồi chở Q quay về. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T điều khiển xe môtô chở Q ra nhà gặp chị H để xin cho Q vào Trường dạy tập sự và được chị H đồng ý. Hôm sau, Q đến Trường THCS Bình Sơn để tham gia dự giờ các tiết dạy của giáo viên trong trường (bút lục 123, 124, 143, 144).

Khoảng 11 giờ ngày 18/02/2014, T gọi điện bảo ông R gửi số tiền còn lại cho T gấp nếu không thì Q sẽ không được đi dạy. Nghe vậy, ông R liền gửi vào tài khoản cho T số tiền 24.000.000đ, rồi điều khiển xe môtô đến thị xã P, gặp T

và Q. Sau khi nghe Q nói đang đi dạy ở Trường THCS Bình Sơn nhưng không có lương, ông R hỏi T thì T nói là do chưa có Quyết định nhận Q vào làm nên chưa có lương. Khoảng 01 tuần sau, Q chuyển sang nhà của chị H ở để đi dạy và phụ giúp chị H trông coi vườn điều (bút lục 173, 174).

Sau một thời gian tham gia dự giờ thì Q được Ban giám hiệu của Trường ký hợp đồng nhận vào làm và được phân công dạy môn toán khối lớp 8 và mỗi tháng được nhà Trường hỗ trợ số tiền 1.000.000đ. Cuối tháng 5/2014, Q về nhà nghỉ hè. Đến cuối tháng 7/2014, bà H liên lạc với Q để lên dạy hợp đồng trong thời gian 03 tháng nhưng Q không lên nữa vì Q muốn vào dạy chính thức chứ không muốn đi dạy hợp đồng. Sau đó, ông R xuống gặp T yêu cầu T trả lại số tiền T đã nhận của ông thì T hứa sẽ trả dần. Sau khi trả được số tiền 30.000.000đ, T lấy tờ biên nhận trước đó xé bỏ. Đến ngày 15/8/2014, T trả tiếp được số tiền 10.500.000đ và kêu ông R đưa tờ biên nhận 36.000.000đ cho mình xé bỏ và viết lại 01 tờ khác với nội dung "*Đang nợ của ông R số tiền 25.500.000 đ"*. Nhưng thời gian sau đó, T không có tiền trả tiếp cho ông R nên ông R đã làm đơn tố cáo hành vi của T (bút lục 78, 79, 173, 174).

Qua điều tra xác định: Từ tháng 12/2013 đến tháng 8/2014, Bệnh viện Thánh Tâm không nhận hồ sơ xin việc nào tên Triệu Thị T (em gái của N) và Lãnh đạo bệnh viện cho biết nếu nộp hồ sơ xin việc vào đây thì cũng không mất bất kì chi phí gì; Trường THCS Phú Nghĩa mới được thành lập vào ngày 30/6/2014 và đến ngày 01/8/2014 mới chính thức được cấp phép tổ chức các hoạt động giáo dục (bút lục 15, 17, 19).

Ngày 16/01/2018, bị can Triệu Thị T đã khắc phục cho Triệu Văn N số tiền là 40.000.000đ; khắc phục cho Vi Văn R số tiền là 30.000.000đ, Anh N và ông R đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2019/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử bị cáo Triệu Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; Nquyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và điểm 1 mục I danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nquyết. Xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2019 bị cáo Triệu Thị T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại số tiền 90.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận của ông Vi Văn R.

Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Thị T thừa nhận hành vi phạm tội của mình và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Triệu Thị T khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo cơ bản như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đã truy tố đối với bị cáo, phù hợp với Biên bản lấy lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở khẳng định: Trong năm 2013 bị cáo Triệu Thị T biết mình không có khả năng xin việc cho Q và Thúy không có mối quan hệ thân tình với người bị hại nhưng bị cáo nói với anh Triệu Văn N và ông Vi Văn R là T có thể xin cho người thân của họ vào làm việc tại các cơ quan nhà nước. Bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối và chiếm đoạt của anh N số tiền 61.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông R số tiền 90.000.000 đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Triệu Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Triệu Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với yêu cầu giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi bị bệnh nặng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 2 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, là phù hợp, không nặng.

Tuy nhiên, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật do hiện nay hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn, bị cáo có hai con còn nhỏ trong đó có 01 con (sinh ngày 05/6/2018) bị bệnh tim bẩm sinh và bệnh Down (đao), vợ chồng bị cáo đã ly hôn, bố mẹ đẻ của bị cáo đã chết, do vậy ngoài bị cáo không có ai chăm sóc, nuôi dưỡng hai con nhỏ nên cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với số tiền 90.000.000 đồng: Bị cáo cho rằng chỉ nhận của ông R 40.000.000 đồng tiền xin việc, còn 50.000.000 đồng là tiền vay mượn riêng giữa bị cáo và ông R. Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/6/2015, ngày 15/10/2015 của

ông R đều thể hiện có đưa cho bị cáo tổng số tiền 90.000.000 đồng (lần 1: 30.000.000 đồng, lần 2: 36.000.000 đồng, lần 3: 24.000.000 đồng) để xin việc, bị cáo cũng thừa nhận có nhận của ông R số tiền 90.000.000 đồng trong khoảng thời gian hứa hẹn xin việc cho Vi Văn Q và không có chứng cứ chứng minh số tiền 50.000.000 đồng là tiền vay mượn riêng. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo về phần này không có căn cứ.

[3] Ngoài ra, tại Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Triệu Thị T trả cho ông Triệu Văn N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); trả cho ông Vi Văn R số tiền 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng phần quyết định chưa áp dụng Điều luật để tuyên buộc bị cáo. Do vậy, cần bổ sung thêm cho chính xác.

[4]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận một phần.

[5]. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Triệu Thị T không phải chịu.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng Ncó hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 ; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Triệu Thị T.

Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Triệu Thị T trả cho ông Triệu Văn N số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng); trả cho ông Vi Văn R số tiền 19.500.000 (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2019/HSST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố: Bị cáo Triệu Thị T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nquyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và điểm 1 mục I danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nquyết.

Xử phạt bị cáo **02** (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Triệu Thị T không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 24/2019/HSST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Công an thị xã P;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Tổ nghiệp vụ, lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Hạnh